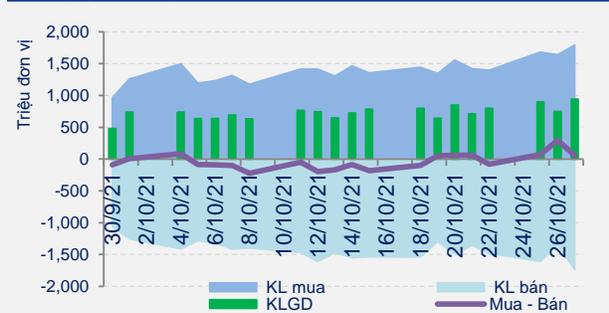


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 27/10/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,423.02	404.37
% Thay đổi	↑ 2.26%	↑ 1.65%
KLGD (CP)	940,187,641	152,348,908
GTGD (tỷ đồng)	28,736.98	4,111.92
Tổng cung (CP)	1,734,766,000	205,492,400
Tổng cầu (CP)	1,790,757,300	188,147,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	37,960,384	1,829,836
KL mua (CP)	60,384,000	348,850
GT mua (tỷ đồng)	2,434.45	6.30
GT bán (tỷ đồng)	1,406.52	53.41
GT ròng (tỷ đồng)	1,027.93	(47.11)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.67%	23.8	3.8	3.8%
Công nghiệp	↑ 1.43%	20.6	3.0	12.2%
Dầu khí	↑ 2.10%	18.5	2.0	3.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.53%	-	5.4	5.8%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.41%	17.6	2.6	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 2.29%	21.5	4.2	8.1%
Ngân hàng	↑ 1.84%	11.1	2.1	14.1%
Nguyên vật liệu	↑ 1.75%	14.1	3.0	16.6%
Tài chính	↑ 2.53%	18.6	3.2	32.6%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 4.79%	17.1	3.0	3.0%
VN - Index	↑ 2.26%	16.9	2.8	
HNX - Index	↑ 1.65%	22.3	4.6	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng mạnh trong phiên hôm nay với thanh khoản cũng được cải thiện đáng kể. Cụ thể, VN-Index tăng 31,39 điểm (+2,26%) lên 1.423,02 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 384 mã tăng, 42 mã tham chiếu, 96 mã giảm. HNX-Index tăng 6,56 điểm (+1,65%) lên 404,37 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 165 mã tăng, 53 mã tham chiếu, 92 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 994 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 28.168 tỷ đồng. Thị trường tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên giúp chỉ số VN-Index kết phiên ở mức cao nhất. Trong nhóm VN30, cả 30 cổ phiếu đều tăng giá, có thể kể đến như MSN (+5,2%), KDH (+4,2%), SSI (+4,1%), CTG (+4%), PNJ (+3,7%), STB (+3,5%), MWG (+3,1%), VIC (+3%)...; thậm chí cổ phiếu GAS (+6,9%) còn tăng trần, đóng cửa ở mức cao nhất trong lịch sử. Những đóng góp của các cổ phiếu kể trên giúp chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong lịch sử. Các cổ phiếu thuộc các nhóm ngành ngân hàng, chứng khoán, thủy sản, dệt may... thu hút dòng tiền và tăng mạnh hơn thị trường chung. Có thể kể đến các cổ phiếu thuộc ngành chứng khoán như SSI (+4,1%), VND (+4,5%), VCI (+3,3%), SHS (+1,9%), HCM (+3,4%), VIX (+0,7%), TVC (+1,6%), MBS (+3,6%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng vượt kỳ vọng trong phiên hôm nay với việc chỉ số VN-Index không những vượt qua được ngưỡng tâm lý 1.400 điểm mà còn kết phiên ở mục tiêu tiếp theo là vùng kháng cự 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021). Thanh khoản trong phiên hôm nay cũng ủng hộ đà tăng này với việc tiếp tục gia tăng và cao hơn mức trung bình 20 phiên. Khối ngoại quay trở lại mua ròng khoảng 1.050 tỷ đồng trên hai sàn cũng hỗ trợ cho đà tăng của thị trường. Trên góc nhìn kỹ thuật, thị trường đang trong sóng hồi phục b và hiện tại đang khá gần kháng cự nên những rung lắc có thể diễn ra. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 28/10, VN-Index có thể sẽ giảm co và rung lắc trong vùng giá 1.420-1.425 điểm. Trong kịch bản tích cực, nếu VN-Index có thể vượt qua vùng kháng cự 1.420-1.425 điểm trong phiên tiếp theo thì chỉ số này có thể hướng đến ngưỡng tâm lý 1.500 điểm trong thời gian tới. Nhà đầu tư cần quan sát diễn biến thị trường tại vùng kháng cự nêu trên và có thể mở mua mới các vị thế ngắn hạn nếu thị trường tiếp tục vượt đỉnh với động lượng tích cực, tập trung vào nhóm bluechips đang dẫn sóng thị trường.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **27/10/2021**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và gia tăng về cuối phiên giúp chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 31,39 điểm (+2,26%) lên 1.423,02 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS tăng 7.900 đồng, VIC tăng 2.800 đồng, VHM tăng 2.300 đồng. Ở chiều ngược lại, HVN giảm 150 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng điểm trong phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 404,83 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 6,56 điểm (+1,65%) lên 404,37 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 2.700 đồng, PVS tăng 1.800 đồng, L14 tăng 15.700 đồng. Ở chiều ngược lại, BAB giảm 100 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 1.020,78 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 22,3 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 258,4 tỷ đồng tương ứng với 4,5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là KBC với 209,8 tỷ đồng tương ứng với 4,5 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NLG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 178,5 tỷ đồng tương ứng với 3,2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 47,39 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,5 triệu cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 29,9 tỷ đồng tương ứng với 1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là TNG với 9,7 tỷ đồng tương ứng với 298 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NBC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 440 triệu đồng tương ứng với 18,7 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng phiên thứ hai liên tiếp với mức tăng mạnh và thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu gia tăng mạnh trong phiên hôm nay và bên mua hoàn toàn chiếm ưu thế trước bên bán.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Sóng điều chỉnh a sau đó đã kết thúc trong phiên 20/7 khi VN-Index chạm ngưỡng 1.225 điểm rồi hồi phục từ đây.

Và hiện tại là sóng hồi phục b với target theo lý thuyết trong khoảng 1.325-1.350 điểm (fibonacci retracement 50%-61,8%). Thực tế là sóng hồi phục b đã vượt quá target lý thuyết trên và hiện kết phiên trong vùng kháng cự 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021).

Thị trường vượt ngưỡng tâm lý 1.400 điểm ngay trong phiên sáng hôm nay và lực cầu sau đó tiếp tục gia tăng giúp chỉ số tiến vào vùng kháng cự tiếp theo trong khoảng 1.420-1.425 điểm.

Trong kịch bản tích cực, nếu lực cầu tiếp tục gia tăng và chỉ số VN-Index vượt qua được vùng kháng cự 1.420-1.425 điểm thì có khả năng VN-Index sẽ hướng đến ngưỡng tâm lý 1.500 điểm trong thời gian tới.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 28/10, VN-Index có thể sẽ giằng co và rung lắc trong vùng giá 1.420-1.425 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

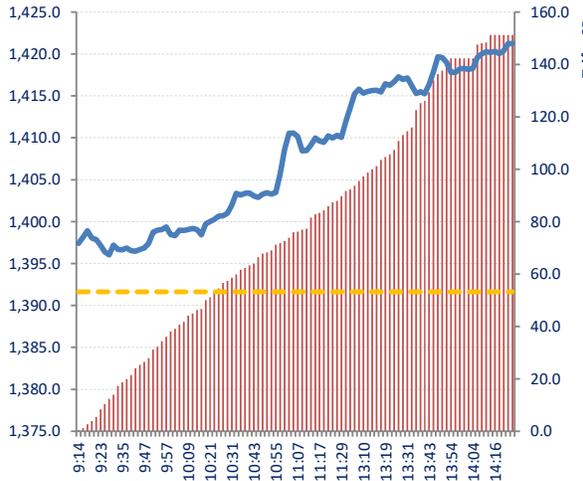
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,7 - 58,4 triệu đồng/lượng, tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 2 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng ngày 26/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.131 VND/USD, tăng 2 đồng so với ngày hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

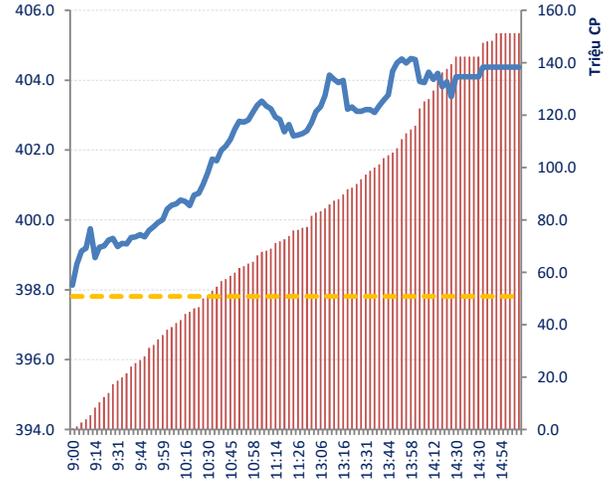
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 6,15 USD/ounce tương ứng với 0,34% xuống 1.787,25 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,003 điểm tương ứng 0,003% lên 93,938 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1595 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3729 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 113,68 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 1,27 USD/thùng tương ứng với 1,5% xuống 83,38 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 26/10, Dow Jones tăng 15,73 điểm tương đương 0,04% lên 35.756,88 điểm. Nasdaq tăng 9,01 điểm tương đương 0,06% lên 15.235,71 điểm. Nasdaq Composite tăng 8,31 điểm tương đương 0,18% lên 4.574,79 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

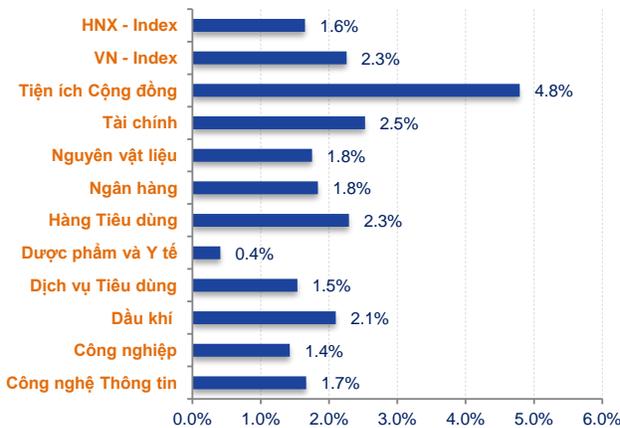
KLGD và VN-Index trong phiên



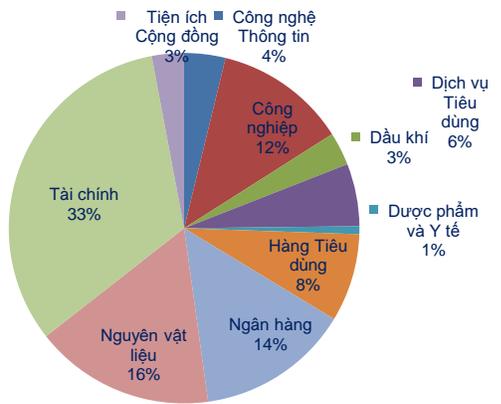
KLGD và HNX-Index trong phiên



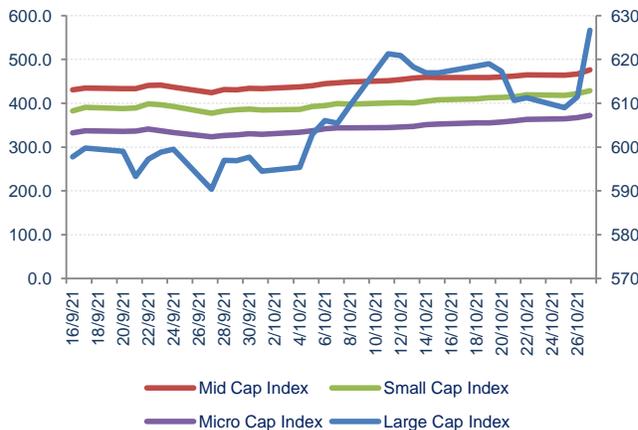
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



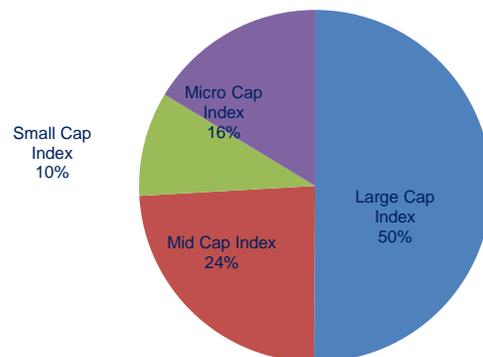
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	5,367,100	PAN	3,535,800
2	HPG	4,507,800	NLG	3,189,000
3	KBC	4,492,100	VRE	1,819,400
4	DXG	3,354,800	DPM	1,074,700
5	CTG	2,264,300	LPB	742,884

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	V21	25,100	PVS	1,009,800
2	NBC	18,700	TNG	297,600
3	KLF	18,400	PDB	68,500
4	NDN	18,350	TC6	56,500
5	MCF	16,400	VIG	49,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
KBC	44.90	48.00	↑	6.90%	31,916,600
HPG	56.30	57.90	↑	2.84%	29,775,100
HQC	5.08	5.19	↑	2.17%	25,106,100
TCB	51.00	51.50	↑	0.98%	22,727,100
GEX	25.20	25.55	↑	1.39%	20,346,979

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
IDC	65.50	68.80	↑	5.04%	19,751,541
PVS	28.70	30.50	↑	6.27%	17,368,772
CEO	11.60	11.60	→	0.00%	6,319,161
NDN	22.80	23.30	↑	2.19%	5,781,009
AMV	10.70	11.60	↑	8.41%	4,382,283

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVC	100.00	107.00	7.00	↑ 7.00%
LAF	20.00	21.40	1.40	↑ 7.00%
PTL	8.43	9.02	0.59	↑ 7.00%
TDC	26.50	28.35	1.85	↑ 6.98%
SII	17.90	19.15	1.25	↑ 6.98%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLA	23.00	25.30	2.30	↑ 10.00%
L14	157.00	172.70	15.70	↑ 10.00%
SDA	25.00	27.50	2.50	↑ 10.00%
L18	51.60	56.70	5.10	↑ 9.88%
HLD	48.80	53.60	4.80	↑ 9.84%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
EMC	18.30	17.05	-1.25	↓ -6.83%
SKG	19.90	18.60	-1.30	↓ -6.53%
RDP	13.30	12.45	-0.85	↓ -6.39%
TTB	9.40	8.80	-0.60	↓ -6.38%
PTC	11.10	10.40	-0.70	↓ -6.31%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDG	38.90	35.10	-3.80	↓ -9.77%
PIA	28.00	25.30	-2.70	↓ -9.64%
PTD	19.80	17.90	-1.90	↓ -9.60%
VE8	14.70	13.30	-1.40	↓ -9.52%
VTH	10.80	9.80	-1.00	↓ -9.26%

(*) Giá điều chỉnh



Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	207.13	13.6%	4,688	11.7	1.5
PAN	105.08	3.6%	1,049	28.6	1.0
NBB	102.25	22.7%	5,027	7.4	2.1
DCM	71.81	11.6%	1,431	22.2	2.5
DPM	55.45	18.4%	4,029	11.6	2.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-548.46	39.5%	5,614	10.0	3.4
KBC	-336.37	6.0%	1,573	28.5	1.7
MSN	-252.76	7.6%	1,784	78.2	5.2
VHM	-234.77	36.9%	7,773	10.1	2.7
STB	-228.32	11.8%	1,900	13.5	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	25.57	39.5%	5,614	10.0	3.4
HQC	5.80	0.1%	9	558.6	0.6
VIX	4.15	37.3%	4,315	4.8	1.2
VSC	3.84	14.2%	5,842	12.2	1.7
ROS	1.58	3.1%	326	17.2	0.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-2.97	16.5%	2,055	18.9	2.2
VHM	-2.70	36.9%	7,773	10.1	2.7
IJC	-2.28	25.8%	3,971	8.3	2.2
MBB	-1.25	20.3%	2,943	9.5	1.8
VNE	-1.16	1.4%	175	60.6	1.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	289.08	39.5%	5,614	10.0	3.4
TCB	197.72	21.3%	4,965	10.3	2.0
VIC	167.02	4.5%	1,600	57.6	2.2
VHM	165.50	36.9%	7,773	10.1	2.7
MSN	155.99	7.6%	1,784	78.2	5.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NBB	-103.24	22.7%	5,027	7.4	2.1
DCM	-70.89	11.6%	1,431	22.2	2.5
KSB	-39.01	17.3%	3,931	9.7	1.6
LPB	-38.85	17.7%	2,240	9.3	1.5
NLG	-28.85	13.6%	4,688	11.7	1.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	233.81	39.5%	5,614	10.0	3.4
KBC	211.33	6.0%	1,573	28.5	1.7
STB	141.16	11.8%	1,900	13.5	1.6
GAS	103.81	16.9%	4,384	26.0	4.3
MSN	97.16	7.6%	1,784	78.2	5.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	-178.57	13.6%	4,688	11.7	1.5
PAN	-105.69	3.6%	1,049	28.6	1.0
VRE	-55.40	9.2%	1,195	25.6	2.3
DPM	-49.66	18.4%	4,029	11.6	2.0
DIG	-15.66	14.4%	1,615	26.8	3.7



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	31,916,600	6.0%	1,573	28.5	1.7
HPG	29,775,100	3250.0%	5,614	10.0	3.4
HQC	25,106,100	0.1%	9	558.6	0.6
TCB	22,727,100	21.3%	4,965	10.3	2.0
GEX	20,346,979	10.6%	1,822	13.8	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	19,751,541	11.3%	1,684	38.9	4.2
PVS	17,368,772	4.4%	1,187	24.2	1.1
CEO	6,319,161	-3.1%	(411)	-	0.9
NDN	5,781,009	39.3%	5,275	4.3	1.5
AMV	4,382,283	3.8%	554	19.3	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SVC	↑ 7.0%	13.1%	6,848	14.6	1.8
LAF	↑ 7.0%	24.7%	2,820	7.1	1.6
PTL	↑ 7.0%	2.6%	196	42.9	1.1
TDC	↑ 7.0%	15.8%	2,036	13.0	2.1
SII	↑ 7.0%	-7.1%	(1,605)	-	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VLA	↑ 10.0%	-8.1%	(1,030)	-	2.0
L14	↑ 10.0%	14.0%	1,912	82.1	9.0
SDA	↑ 10.0%	2.7%	199	125.5	3.4
L18	↑ 9.9%	5.2%	820	63.0	3.7
HLD	↑ 9.8%	15.3%	3,476	14.0	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	5,367,100	11.8%	1,900	13.5	1.6
HPG	4,507,800	39.5%	5,614	10.0	3.4
KBC	4,492,100	6.0%	1,573	28.5	1.7
DXG	3,354,800	8.7%	1,487	15.0	0.9
CTG	2,264,300	18.5%	3,414	8.8	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
V21	25,100	1.9%	180	66.3	1.3
NBC	18,700	14.2%	1,786	13.3	1.9
KLF	18,400	0.1%	6	822.8	0.5
NDN	18,350	39.3%	5,275	4.3	1.5
MCF	16,400	8.6%	953	10.6	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	350,841	4.5%	1,600	57.6	2.2
VCB	348,634	20.6%	5,533	17.0	3.3
VHM	342,689	36.9%	7,773	10.1	2.7
HPG	251,826	39.5%	5,614	10.0	3.4
GAS	217,808	16.9%	4,384	26.0	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	80,220	33.9%	6,555	35.0	14.1
KSF	23,040	8.8%	780	98.5	3.9
VCS	20,032	42.1%	10,726	11.7	4.7
IDC	19,650	11.3%	1,684	38.9	4.2
BAB	16,268	8.6%	979	22.1	1.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.97	22.7%	3,586	16.8	3.4
CTS	2.58	19.5%	2,677	10.3	1.9
ABS	2.57	6.5%	759	26.0	1.7
AGR	2.50	10.2%	1,004	16.8	1.7
IJC	2.30	25.8%	3,971	8.3	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
APS	3.27	22.8%	1,889	19.0	3.2
PSI	3.23	2.9%	300	46.3	1.3
BTS	2.47	1.1%	120	101.3	1.1
HBS	2.44	1.2%	140	88.3	1.0
VGS	2.37	18.8%	3,377	12.6	2.3



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
